

Kinh tế số: Hiện trạng và một số đề xuất phát triển cho Việt Nam

DẶNG THỊ VIỆT ĐỨC*
TRẦN QUANG HUY**
ĐÀM TRUYỀN ĐỨC***

Tóm tắt

Qua phân tích hiện trạng kinh tế số trên một số chỉ tiêu phát triển công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), cùng với kết quả xếp hạng kinh tế số từ một số tổ chức, có thể thấy Việt Nam được đánh giá cao về môi trường kinh doanh, luật pháp và tầm nhìn chính sách của Chính phủ. Tuy vậy, trụ cột hạ tầng kết nối và mức độ ứng dụng ICT trong hoạt động kinh tế còn thấp, đòi hỏi cần có những giải pháp mạnh mẽ hơn nữa.

Từ khóa: ICT, kinh tế số, kinh tế tri thức

Summary

Based on an analysis of the digital economy via some indicators of ICT development, together with the results of digital ranking by some organizations, it can be seen that Vietnam's business environment, laws, and government visions are highly appreciated. However, ICT infrastructure and application to economic activity are poor, requiring more drastic solutions.

Keywords: ICT, digital economy, knowledge economy

GIỚI THIỆU

Kỷ nguyên mới dần dẫn bước các chủ thể kinh tế phải nhìn nhận lại về các khái niệm kinh tế truyền thống, về cách tạo ra giá trị, tổ chức kinh doanh, cấu trúc tổ chức. Trong bối cảnh đó, kinh tế số đang được nhắc đến nhiều trong thời gian gần đây và được nhìn nhận có tầm quan trọng lớn đối với chính phủ các quốc gia. Kinh tế số gắn liền với ICT. Nếu xem xét nền tảng của kinh tế số, thì rõ ràng một nước đang phát triển như Việt Nam đang ở vi trí bất lợi so với các nước phát triển. Tuy vậy, đặc trưng của ICT cùng kinh tế số với tính vô hình cao cũng là cơ hội giúp Việt Nam thu hẹp khoảng cách với các quốc gia khác. Mặc dù chưa sử dụng thuật ngữ “kinh tế số” trong các văn bản chính sách, Chính phủ Việt Nam cũng đã đặt việc phát triển ICT - cốt lõi của kinh tế số như một mục tiêu cần thực hiện. Bài viết đánh giá hiện trạng kinh tế số tại Việt Nam, từ đó đưa ra một số khuyến nghị để phát triển.

TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ SỐ

Thuật ngữ kinh tế số được đưa ra đầu tiên bởi Tapscott (1996) trong cuốn sách có tựa đề “Nền kinh

tế số: Những hứa hẹn và cam bẫy trong kỷ nguyên trí tuệ mạng” (The Digital Economy: Promise and Peril in the Age of Networked Intelligence). Tapscott mô tả kỷ nguyên trí tuệ mạng như một hiện tượng cách mạng được thúc đẩy bởi sự hội tụ giữa những tiến bộ trong truyền thông, máy tính (mấy tính, phần mềm, dịch vụ) và nội dung (xuất bản, giải trí, cung cấp thông tin), tạo ra một môi trường tương tác đa phương tiện và xa lộ thông tin. Về khái niệm kinh tế số, theo Tapscott là nền kinh tế dựa trên sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông, thông qua sự ảnh hưởng của ngành này tới tất cả cách thức hoạt động của các ngành khác trong nền kinh tế - xã hội. Tapscott đưa ra 12 đặc trưng của nền kinh tế số, bao gồm: tri thức (knowledge), số hoá (digitalization), tính ảo (virtualization), cấu trúc phát triển từ trung tử chức (moleculization), sự kết nối (internetworking), không trung gian (disintermediation), sự hội tụ

*TS., **TS., ***ThS., Học viên Công nghệ Bưu chính Viễn thông | Email: ducdtv123@gmail.com
Ngày nhận bài: 02/11/2017, Ngày phản biện: 17/11/2017; Ngày duyệt đăng: 21/11/2017

(convergence), sự sáng tạo (innovation), sự thịnh vượng (prosperation), sự tức thời (immediacy), toàn cầu hoá (globalization) và sự bất đồng (discordance). Trong nền kinh tế số, cơ sở vật chất hạ tầng thông tin cung cấp một nền tảng toàn cầu. Nền kinh tế số vẫn liên tục biến chuyển nên những câu hỏi về mô hình kinh tế số phù hợp vẫn chưa có câu trả lời.

Johansson và cộng sự (2006) khẳng định rằng, sự phát triển nhanh chóng của ICT và việc sử dụng ICT đã tạo ra hình ảnh về kinh tế số như đang thay hiện nay. Sự lan tỏa nhanh chóng của ICT đã tạo ra những thay đổi quan trọng trong cách sản phẩm và dịch vụ được sản xuất ra và phân phối cho khách hàng, trong bản chất của sản phẩm, dịch vụ được sản xuất.

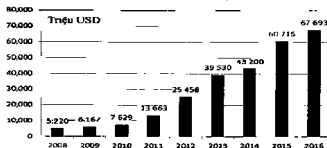
Atkinson và McKay (2007) định nghĩa kinh tế số là nền kinh tế với việc sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin (phần cứng, phần mềm, các ứng dụng) trong mọi khía cạnh của nền kinh tế, bao gồm các hoạt động nội bộ của các tổ chức, các giao dịch giữa các tổ chức và giao dịch giữa các cá nhân.

Bên cạnh đó, một số tổ chức quốc tế như: OECD, WB... đã xem ICT như một phần cốt lõi của kinh tế số. Như vậy, các cách hiểu về kinh tế số cho dù dưới các biểu đạt khác nhau đều khá tương đồng. Theo đó, có thể hiểu kinh tế số gắn liền với ICT và tác động thay đổi của ICT trong các hoạt động kinh tế - xã hội. Như vậy, ICT là tác nhân cho sự ra đời của kinh tế số và cũng là một phần quan trọng của kinh tế số. Nhiều nhà nghiên cứu đã minh chứng sự ảnh hưởng của ICT thông qua các bằng chứng thực nghiệm rõ ràng và coi đây là thước đo của kinh tế số trong nền kinh tế quốc gia.

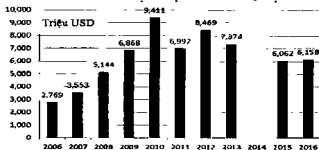
HIỆN TRẠNG KINH TẾ SỐ TẠI VIỆT NAM

Tại Việt Nam, thuật ngữ “kinh tế số” mặc dù được nói tới nhiều, tuy vậy, chưa xuất hiện trong bất cứ văn bản chính sách phát triển kinh tế nào của Việt Nam, cũng như các nghiên cứu chính thống trong một thời gian dài. Khái niệm kinh tế tri thức được đưa ra trong các chính sách phát triển kinh tế, thay vì khái niệm kinh tế số. Từ Đại hội đại biểu lần thứ 9 của Đảng Cộng sản Việt Nam, kinh tế tri thức đã xuất hiện trong văn kiện chính thống như một phần của chiến lược phát triển kinh tế Việt Nam.

HÌNH 1: DOANH THU NGÀNH CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VIỆT NAM



HÌNH 2: DOANH THU DỊCH VỤ VIỄN THÔNG VIỆT NAM



Nguồn: Bộ Thông tin và Truyền thông (2009-2017)

Từ năm 2015 trở lại đây, kinh tế số được nghiên cứu và bàn luận ở Việt Nam như một chính sách phát triển chủ yếu trong khuôn khổ hợp tác kinh tế thương mại giữa Việt Nam và Hiệp hội Các nước Đông Nam Á (ASEAN). Cách hiểu về kinh tế số tại Việt Nam tương đồng với cách hiểu của các nước ASEAN cũng như của thế giới. Theo đó, kinh tế số bao gồm: (1) mạng lưới công nghệ thông tin và truyền thông, (2) các ứng dụng công nghệ số bao gồm các sản phẩm và dịch vụ hỗ trợ online và (3) các thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông phục vụ các hoạt động này. Ước tính kinh tế số ở các nước ASEAN đã tạo ra khoảng 150 tỷ USD doanh thu năm 2015 (ATKearney, 2015).

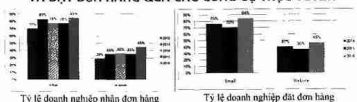
Như vậy, kinh tế số tại Việt Nam thông qua một số chỉ tiêu phát triển ICT có thể thấy như sau:

- **Ở góc độ thị trường:** Hình 1 và 2 biểu diễn doanh thu ngành công nghệ thông tin và viễn thông trong hơn 10 năm qua. Đáng chú ý là ngành viễn thông, trong thời gian gần đây, doanh thu liên tục giảm. Điều này do sự phát triển của các dịch vụ nội dung số trên nền internet, đặc biệt là các dịch vụ thay thế thoại và nhắn tin, như: Zalo, Viber... Các dịch vụ này, một mặt, chỉ là một bộ phận nhỏ trong thị phần của các nhà mạng, mặt khác đã buộc các nhà mạng phải liên tục giảm giá, khuyến mại.

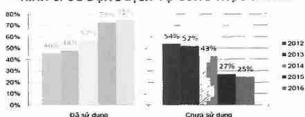
- **Ở góc độ hạ tầng công nghệ thông tin:** Số liệu thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông cho thấy, từ năm 2008 tới năm 2015 (8 năm), tỷ lệ hộ gia đình có máy tính ở Việt Nam tăng gấp đôi, từ 10,35% lên 21,3%. Còn trong thống kê của Hiệp hội Thương mại Điện tử Việt Nam, tỷ lệ doanh nghiệp có máy tính để bàn và máy tính xách tay phục vụ công việc đạt 100% năm 2015.

Mật độ sử dụng internet của Việt Nam cũng cho thấy sự phát triển mạnh mẽ trong dịch vụ này. So với các nước trong khu vực và mức trung bình của các nước

HÌNH 5: TỶ LỆ DOANH NGHIỆP NHẬN VÀ ĐẶT ĐƠN HÀNG QUA CÁC CÔNG CỤ TRỰC TUYẾN



HÌNH 6: SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN



Nguồn: Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam, 2017

phát triển, đang phát triển và thế giới, Việt Nam có mức tăng trưởng mật độ người sử dụng internet cao hơn. Năm 2015, mật độ người sử dụng internet của Việt Nam đạt tới 53 người/100 dân, cao hơn con số trung bình 44 của thế giới và con số 40 của Thái Lan.

Ở góc độ ứng dụng ICT: Hình 5 cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp nhận và đặt đơn hàng qua các công cụ trực tuyến, thì email vẫn là hình thức nhận đơn đặt hàng chủ yếu qua các công cụ trực tuyến của doanh nghiệp. Năm 2016 có 85% doanh nghiệp nhận đơn đặt hàng qua email và tăng 7% so với năm 2015. Qua các năm, tỷ lệ nhận đơn đặt hàng của doanh nghiệp qua các công cụ trực tuyến có xu hướng tăng dần. Khá tương đồng với hình thức nhận đơn đặt hàng, hoạt động đặt hàng của doanh nghiệp với đối tác trên các công cụ trực tuyến cũng chủ yếu là thông qua email (84% đặt hàng qua email trong năm 2016).

Liên quan tới ứng dụng ICT trong cung cấp dịch vụ công của Chính phủ, Hình 6 chỉ rõ tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến liên quan tới các thủ tục thông báo, đăng ký, cấp phép... của doanh nghiệp năm 2016 là 75%. Xu hướng sử dụng dịch vụ công trực tuyến tăng rõ rệt qua các năm.

Dựa trên các kết quả trong chỉ tiêu phát triển ICT, một số tổ chức quốc tế cũng đã có những đánh giá, xếp hạng về kinh tế số của Việt Nam. Bảng 1 xếp hạng kinh tế số của Việt Nam và một số quốc gia trong khu vực cho thấy, thứ hạng của Việt Nam về ICT và kinh tế số vẫn còn thấp.

Trong một nghiên cứu của EIU (Economist Intelligence Unit) năm 2010, Việt Nam được đánh giá cao về môi trường kinh doanh, luật pháp và tầm nhìn chính sách của Chính phủ trong phát triển kinh tế số. Tuy vậy, trụ cột hạ tầng kết nối và mức độ ứng dụng ICT trong hoạt động kinh tế còn thấp (Bảng 2).

Các chỉ số phát triển ICT và kinh tế số của Việt Nam đã cho thấy một số điểm tích cực đạt được. Đó là Việt Nam đã có chiến lược đúng đắn phát triển ICT - nền tảng cho kinh tế số từ khá sớm và kiên định chiến lược

này cho tới nay. Các chỉ số về ICT và ứng dụng ICT thể hiện các bước tiến không ngừng trong tiến trình phát triển ICT cho kinh tế số tại Việt Nam.

Tuy vậy, thực trạng phát triển kinh tế số tại Việt Nam cũng thể hiện những hạn chế sau:

Thứ nhất, mặc dù chiến lược phát triển ICT cho kinh tế số hay kinh tế tri thức tại Việt Nam được Chính phủ duy trì và kiên định, tuy vậy, chiến lược phát triển khá dần trải và chưa thể hiện điểm nhấn qua từng thời kỳ. Với một nước đang phát triển như Việt Nam có nguồn lực hạn chế, điều này có thể dẫn tới sự không hiệu quả do đầu tư dàn trải.

Thứ hai, trong các trụ cột của kinh tế số, Việt Nam có điểm số cao hơn ở nhân lực, tầm nhìn của Chính phủ, nhưng lại bị đánh giá thấp ở hạ tầng kết nối và công nghệ, ứng dụng ở mức cá nhân và doanh nghiệp (Bảng 2). Đây là hai điểm yếu cũng là hai thách thức nói chung của các nước đang phát triển.

Chính vì những hạn chế trên, nên mặc dù các chỉ số phát triển ICT của Việt Nam vẫn không ngừng được cải thiện, nhưng khi so sánh tương đối với một số nước trong khu vực, thứ hạng về phát triển ICT và kinh tế số của Việt Nam còn thấp.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Từ nghiên cứu thực trạng trên, chúng tôi đưa ra ba đề xuất để phát triển ICT và kinh tế số tại Việt Nam trong thời gian tới, cụ thể:

Một là, tiếp tục mở rộng tầm nhìn, chiến lược phát triển ICT và kinh tế số. Dù Việt Nam đã bắt đầu chiến lược phát triển ICT cho phát triển kinh tế từ những năm 2000 và cho tới nay vẫn đang kiên định chiến lược này qua các kế hoạch phát triển tổng thể 5 năm hay 10 năm, nhưng Việt Nam vẫn cần tiếp tục duy trì và đẩy mạnh chiến lược này. Trong xây dựng kinh tế số, việc xây dựng chiến lược phát triển là quan trọng, nhưng việc hoạch định các chương trình thực hiện còn quan trọng hơn. Điều này rất cần sự quyết tâm và chỉ đạo quyết liệt từ Chính phủ.

Hai là, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế số hơn nữa. Nghiên cứu thực trạng cho thấy kết cấu hạ tầng kinh tế số (hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông) của Việt Nam tuy vẫn liên tục đạt được thành tựu, nhưng lại là trụ cột kém phát triển

hơn các trụ cột khác của kinh tế số Việt Nam. Do hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông (cốt lõi hiện nay là mạng băng rộng để tăng tốc độ truyền tải thông tin) cần vốn đầu tư khổng lồ, trong khi đó nguồn vốn ngân sách tại Việt Nam cũng như các nước đang phát triển nói chung hạn hẹp, nên giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng thông tin cần dựa vào vốn của khu vực tư nhân. Kinh nghiệm phát triển kết cấu hạ tầng của các nước cho thấy, mở cửa, tự do hóa và đảm bảo cạnh tranh cũng như quyền lợi của nhà đầu tư là giải pháp có hiệu lực nhằm tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng. Các nước OECD đã mở cửa thị trường viễn thông. Một số nước đang phát triển như Ấn Độ cũng đã thành công trong việc chuyển từ thị trường độc quyền đơn sang thị trường gồm nhiều công ty lớn và cả các công ty nước ngoài để gọi được lượng vốn đầu tư nhằm phát triển kết cấu hạ tầng thông tin (Dalman và cộng sự, 2016).

Ba là, hỗ trợ ứng dụng ICT một cách mạnh mẽ. Cũng giống như kết cấu hạ tầng kinh tế số, ứng dụng ICT vào các hoạt động kinh tế - xã hội của Việt Nam cũng là trụ cột kém phát triển hơn các trụ cột khác. Việc phát triển ứng dụng ICT trong thương mại điện tử và chính phủ điện tử lại phụ thuộc vào cấu trúc hỗ trợ, cơ chế là những nền tảng ứng dụng ICT và những sáng kiến về mô hình kinh doanh điện tử mới. Các công ty nền tảng, như: Google, Facebook hay Amazon, Uber đều không xuất phát từ Việt Nam. Điều này là bởi

BẢNG 1: XẾP HẠNG KINH TẾ SỐ CỦA VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ QUỐC GIA

Quốc gia	Chỉ số phát triển ICT	Thứ hạng kinh tế số	Chỉ số cách mạng số
Singapore	16	8	I- Nổi bật
Malaysia	71	36	II- Đang phát triển
Thailand	81	49	II- Đang phát triển
Vietnam	101	62	II- Đang phát triển
Philippines	103	54	II- Đang phát triển
Indonesia	106	65	IV- Chậm

Nguồn: AT Kearney, 2015

BẢNG 2: CÁC CHỈ TIÊU VÀ TRỌNG SỐ CỦA CHỈ SỐ XẾP HẠNG KINH TẾ SỐ VÀ ĐIỂM SỐ CỦA VIỆT NAM

Chỉ tiêu	Trọng số	Việt Nam
Hạ tầng kết nối và công nghệ	20%	3,20
Môi trường kinh doanh	15%	5,70
Môi trường xã hội và văn hoá	15%	3,60
Môi trường luật pháp	10%	4,65
Tầm nhìn và chính sách của Chính phủ	15%	4,60
Ứng dụng ở mức cá nhân và doanh nghiệp	25%	2,71
Tổng thể		3,87

Nguồn: EIU 2010

Việt Nam vốn là nước đang phát triển có điều kiện nghiên cứu công nghệ và hạ tầng yếu hơn các nước phát triển. Tuy vậy, do các ý tưởng kinh doanh không nhất thiết phải dựa trên nền tảng nghiên cứu công nghệ hạ tầng từ điểm xuất phát, mà có thể dựa trên mức phát triển hiện tại của thế giới, nên hoàn toàn là khả thi để Việt Nam phát triển những ý tưởng như vậy và cạnh tranh trong nước cũng như ra thị trường quốc tế.

Kinh nghiệm cho thấy, việc hỗ trợ các ý tưởng kinh doanh mới, các doanh nghiệp khởi nghiệp là hướng đi phù hợp cho phát triển kinh tế số. Việc thành lập các cụm doanh nghiệp công nghệ sáng tạo là điều kiện ban đầu cho hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp, sẽ là nhóm tiên phong tạo thay đổi trong kinh tế số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Thông tin và Truyền thông (2009-2014, 2017). *Thông tin và số liệu thống kê về Công nghệ Thông tin và Truyền thông các năm 2009-2014, 2017*
2. Hiệp hội Thương mại Điện tử Việt Nam (2015, 2017). *Báo cáo thương mại điện tử Việt Nam các năm 2015, 2017*
3. AT Kearney (2015). *The ASEAN Digital Revolution*
4. Atkinson, McKay (2007). *Digital Prosperity: Understanding the Economic Benefits of the Information Technology Revolution*, ITIF (the Information Technology and Innovation Foundation)
5. Bazzazan F. (2009). *The Importance of ICT in Iran Input-Output Approach*, International Conference on Information and Financial Engineering, IEEE Computer Society
6. Dalman C., Mealy S., Wermelinger M. (2016). *Harnessing the Digital Economy for Developing Countries*, Working Paper No. 334, OECD Development Center
7. Economist Intelligent Unit - EIU (2010). *Digital Economy Rankings: Beyond E-readiness*
8. International Telecommunication Union - ITU (2016). *ITU Statistics*, access to <http://www.itu.int/en/ITU-D/Statistics/Pages/stat/default.aspx>
9. Johansson B., Karlsson C., Stough R. (2006). *The Emerging Digital Economy: Entrepreneurship, Clusters, and Policy*, Springer
10. Tapscott D., (1996). *The Digital Economy: Promise and Peril In The Age of Networked Intelligence*, McGraw-Hill